

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Ngà	Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Ngà
Giám đốc

Ngày 03 tháng 8 năm 2015

Số: 083/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 03 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 23. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngo Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 03 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2013-001-1

500-
NH/
IG
HIEM/
017
T N/
P.HC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		224.807.884.966	118.568.903.560
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	105.049.696.521	14.065.477.429
1. Tiền	111		64.967.029.854	14.065.477.429
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.082.666.667	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	610.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	610.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.830.590.305	93.535.661.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	93.317.123.868	74.930.970.625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.842.330.442	924.330.272
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	18.520.343.866	19.673.512.108
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.849.207.871)	(1.993.151.614)
IV. Hàng tồn kho	140	8	3.876.744.937	3.339.009.008
1. Hàng tồn kho	141		3.876.744.937	3.339.009.008
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.050.853.203	7.018.755.732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	4.050.853.203	4.609.292.077
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.409.463.655
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+260)	200		403.978.589.508	411.390.044.120
I. Tài sản cố định	220		400.537.357.904	406.950.127.993
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	400.537.357.904	406.950.127.993
- Nguyên giá	222		549.803.937.077	540.070.784.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.266.579.173)	(133.120.656.843)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		311.989.714	311.989.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.989.714)	(311.989.714)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		35.164.242	2.140.634.242
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		35.164.242	2.140.634.242
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.406.067.362	2.299.281.885
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.406.067.362	2.299.281.885
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		628.786.474.474	529.958.947.680

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		166.492.268.745	102.546.296.318
I. Nợ ngắn hạn	310		166.492.268.745	102.546.296.318
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	78.936.702.165	45.302.332.456
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.301.162.325	652.571.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.726.203.016	285.093.678
4. Phải trả người lao động	314		28.447.773.372	16.478.265.682
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	27.939.381.356	14.920.635.297
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	23.940.801.617	22.323.703.865
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.200.244.894	2.583.693.355
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		462.294.205.729	427.412.651.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	462.294.205.729	427.412.651.362
1. Vốn cổ phần	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.762.484.050	9.744.869.275
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.531.721.679	17.667.782.087
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		37.531.721.679	17.667.782.087
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		628.786.474.474	529.958.947.680

Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng

Lê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 03 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		396.321.942.101	143.262.520.875
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	18	396.321.942.101	143.262.520.875
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	345.815.105.620	126.404.378.382
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		50.506.836.481	16.858.142.493
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		251.276.047	1.203.645.937
6. Chi phí tài chính	22		215.157.645	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.872.482.083	8.109.251.501
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		39.670.472.800	9.952.536.929
9. Thu nhập khác	31		5.379.422	7.100.000
10. Chi phí khác	32		1.132.438	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.246.984	7.100.000
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		39.674.719.784	9.959.636.929
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	2.142.998.105	257.389.094
14. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		37.531.721.679	9.702.247.835
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	938	209


Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởngLê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 03 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015


MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	MÃ SỐ B 03a-DN	
		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39.674.719.784	9.959.636.929
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.145.922.330	13.379.917.680
Các khoản dự phòng	03	856.056.257	40.039.773
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.451.386)	(1.477.116)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(248.824.661)	(1.202.168.821)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.425.422.324	22.175.948.445
Tăng các khoản phải thu	09	(16.741.521.516)	(74.504.749.963)
Tăng hàng tồn kho	10	(537.735.929)	(4.991.217.312)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	70.845.821.010	51.248.852.970
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(548.346.603)	63.796.808
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(346.244.827)	(879.657.143)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.033.615.773)	(2.505.546.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	105.063.778.686	(9.392.572.202)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.940.835.641)	(18.669.359.675)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	610.000.000	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	248.824.661	1.202.168.821
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.082.010.980)	(17.967.190.854)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)	50	90.981.767.706	(27.359.763.056)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.065.477.429	51.514.322.793
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.451.386	1.477.116
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	105.049.696.521	24.156.036.853


Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng


Lê Văn Ngà
Giám đốc
Ngày 03 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 430 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 447 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thử tải, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ nặng, dịch vụ càn); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp; kinh doanh gỗ dăm, clinker và than quặng); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn; cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; khai thác xử lý và cung cấp nước; thu gom rác thải; dịch vụ phòng trọ; dịch vụ đồ uống; nhà hàng và các dịch vụ khác; buôn bán vật liệu; thực phẩm; đồ uống; bán lẻ thực phẩm lương thực; vận tải đường bộ; kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ cảng
- Kinh doanh nhiên liệu
- Dịch vụ logistics
- Dịch vụ gia công cơ khí

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

1-002-
ÁNH
TY
HỮU H
ITE
AM
S CHỈ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ và phí tên miền cho website của Công ty. Các khoản này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian hai năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

125
H N
ĐNI
NHIE
LO
TI
P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	42.134.411	174.375.621
Tiền gửi ngân hàng	62.716.620.022	13.891.101.808
Tiền đang chuyển	2.208.275.421	-
Các khoản tương đương tiền	40.082.666.667	-
	<u>105.049.696.521</u>	<u>14.065.477.429</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng và 2 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa với lãi suất từ 4,8%/năm đến 4,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢI DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	71.245.497.231	52.611.743.453
Công ty TNHH Tatsumi Việt Nam	32.950.527.194	14.370.279.446
Hyundai Heavy Industries Co.,Ltd	14.501.245.188	-
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy - CTCP - Chi nhánh 01	-	10.517.298.082
Các khoản phải thu khách hàng khác	23.793.724.849	27.724.165.925
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan	22.071.626.637	22.319.227.172
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	13.556.612.089	13.347.592.014
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	8.466.783.548	3.955.099.502
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	-	5.016.535.656
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án nhiệt điện Long Phú	48.231.000	-
	<u>93.317.123.868</u>	<u>74.930.970.625</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tình hình nợ quá hạn của Công ty như sau:

	30/06/2015			31/12/2014		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Nghi Sơn	1.703.887.581	1.448.910.366	(254.977.215)	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài	927.659.546	-	(927.659.546)	927.659.546	-	(927.659.546)
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Văn Lang	878.015.100	614.610.570	(263.404.530)	-	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy - Công ty cổ phần - Chi nhánh 01	-	-	-	10.517.298.082	10.517.298.082	-
Công ty TNHH Cơ khí Chế tạo và Bê tông Fecon Nghi Sơn	332.891.675	332.891.675	-	1.869.958.200	1.869.958.200	-
Các khách hàng khác	3.698.726.140	5.144.767.431	1.446.041.291	5.307.538.647	4.242.046.579	(1.065.492.068)
	<u>7.541.180.042</u>	<u>7.541.180.042</u>	<u>(2.849.207.871)</u>	<u>18.622.454.475</u>	<u>10.517.298.082</u>	<u>(1.993.151.614)</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	8.560.997.737	11.516.603.727
Công ty TNHH SK Engineering & Construction	-	3.781.866.440
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	5.053.559.238	3.999.000.170
Công ty TNHH Tatsumi Việt Nam	467.538.477	31.000.000
Hyundai Heavy Industries Co.,Ltd	1.773.193.739	-
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lê Phạm	1.867.134.055	-
Công ty Van Oord Dredging and Marine Contractors BV	293.218.278	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Haemal	99.327.379	-
Tạm ứng cho nhân viên	282.476.504	98.740.500
Khác	122.898.459	246.301.271
	<u>18.520.343.866</u>	<u>19.673.512.108</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.146.400.059	1.310.703.394
Công cụ, dụng cụ	1.048.857.358	971.179.816
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<u>1.681.487.520</u>	<u>1.057.125.798</u>
	<u>3.876.744.937</u>	<u>3.339.009.008</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm các loại	239.963.732	27.184.534
Công cụ, dụng cụ	1.987.422.662	1.703.539.011
Chi phí khác	<u>1.823.466.809</u>	<u>2.878.568.532</u>
	<u>4.050.853.203</u>	<u>4.609.292.077</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	<u>3.406.067.362</u>	<u>2.299.281.885</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	481.786.875.719	46.737.109.167	1.870.162.430	7.436.208.658	2.240.428.862	540.070.784.836
Mua trong kỳ	-	107.392.727	1.008.345.273	2.131.247.273	-	3.246.985.273
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.486.166.968	-	-	-	-	6.486.166.968
Tại ngày 30/6/2015	<u>488.273.042.687</u>	<u>46.844.501.894</u>	<u>2.878.507.703</u>	<u>9.567.455.931</u>	<u>2.240.428.862</u>	<u>549.803.937.077</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	112.952.354.488	15.133.947.626	1.238.844.801	2.780.925.672	1.014.584.256	133.120.656.843
Khấu hao trong kỳ	13.191.314.830	1.994.121.896	244.994.438	636.170.860	79.320.306	16.145.922.330
Tại ngày 30/6/2015	<u>126.143.669.318</u>	<u>17.128.069.522</u>	<u>1.483.839.239</u>	<u>3.417.096.532</u>	<u>1.093.904.562</u>	<u>149.266.579.173</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	<u>362.129.373.369</u>	<u>29.716.432.372</u>	<u>1.394.668.464</u>	<u>6.150.359.399</u>	<u>1.146.524.300</u>	<u>400.537.357.904</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>368.834.521.231</u>	<u>31.603.161.541</u>	<u>631.317.629</u>	<u>4.655.282.986</u>	<u>1.225.844.606</u>	<u>406.950.127.993</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.356.553.311 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.924.798.906 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	78.057.287.763	78.057.287.763	44.273.114.464	44.273.114.464
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	24.771.782.110	24.771.782.110	4.384.156.939	4.384.156.939
Phải trả cho các đối tượng khác	53.285.505.653	53.285.505.653	39.888.957.525	39.888.957.525
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	879.414.402	879.414.402	1.029.217.992	1.029.217.992
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	482.796.685	482.796.685	965.593.370	965.593.370
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam tại Hà Nội	189.000.000	189.000.000	-	-
Công ty CP Dịch Vụ Bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam - Chi nhánh Nghi Sơn	120.500.352	120.500.352	63.624.622	63.624.622
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	58.080.000	58.080.000	-	-
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	15.226.365	15.226.365	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	13.811.000	13.811.000	-	-
	78.936.702.165	78.936.702.165	45.302.332.456	45.302.332.456

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	5.251.497.768	4.714.780.982	536.716.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	247.797.452	2.142.998.105	346.244.827	2.044.550.730
Thuế thu nhập cá nhân	37.296.226	510.418.602	402.779.328	144.935.500
Tổng	285.093.678	7.904.914.475	5.463.805.137	2.726.203.016

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	73.000.000	190.900.000
Chi phí phải trả Vinashin	8.000.000.000	5.000.000.000
Chi phí phải trả về các dịch vụ mua ngoài	19.866.381.356	9.729.735.297
	27.939.381.356	14.920.635.297

 12
 HI
 SĐT
 NH
 L
 HET
 /TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí Công đoàn	255.775.689	229.216.800
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	889.837.298	-
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	21.674.215.290	20.906.619.575
Các khoản phải trả khác	1.120.973.340	1.187.867.490
	<u>23.940.801.617</u>	<u>22.323.703.865</u>

Khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam liên quan đến tài sản chuyên giao cho Công ty giai đoạn trước cổ phần hóa và sẽ được Công ty thanh toán dần qua các năm tùy theo tình hình tài chính của Công ty. Khoản phải trả này chịu lãi suất 2% năm.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau	Tổng
	<u>VND</u>	phát triển	thuế chưa phân	<u>VND</u>
		<u>VND</u>	phối	
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2014	400.000.000.000	2.954.243.294	7.988.971.741	410.943.215.035
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.667.782.088	17.667.782.088
Trích lập quỹ trong năm	-	6.790.625.981	(7.988.971.742)	(1.198.345.761)
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>400.000.000.000</u>	<u>9.744.869.275</u>	<u>17.667.782.087</u>	<u>427.412.651.362</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	37.531.721.679	37.531.721.679
Trích lập quỹ trong kỳ	-	15.017.614.775	(17.667.782.087)	(2.650.167.312)
Số dư tại ngày 30/6/2015	<u>400.000.000.000</u>	<u>24.762.484.050</u>	<u>37.531.721.679</u>	<u>462.294.205.729</u>

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 1041/NQ-DKTH_ĐHCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành phân phối toàn bộ lợi nhuận năm 2014 để trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 14.134.225.671 đồng, 883.389.104 đồng và 2.650.167.312 đồng.

Theo quy định tại Thông tư 200, toàn bộ số dư quỹ dự phòng tài chính được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn cổ phần đã được góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp
		<u>VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,69	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	43,75	175.000.000.000
Các cổ đông khác	1,56	6.227.000.000
	<u>100</u>	<u>400.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>30/06/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Đô la Mỹ (USD)	<u>6.432,69</u>	<u>6.435,65</u>

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; dịch vụ cảng và cung ứng hàng hóa, nhiên liệu và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Thanh Hóa Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng	58.080.430.474	90.168.693.439
Doanh thu cung cấp dịch vụ	338.241.511.627	53.093.827.436
	<u>396.321.942.101</u>	<u>143.262.520.875</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	57.706.307.946	88.861.345.185
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	288.108.797.674	37.543.033.197
	<u>345.815.105.620</u>	<u>126.404.378.382</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.421.914.640	6.094.499.766
Chi phí nhân công	59.780.386.911	16.935.696.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.145.922.330	13.379.917.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.651.617.850	9.515.716.298
Chi phí bằng tiền khác	5.085.601.577	1.353.616.586
	<u>301.085.443.308</u>	<u>47.279.447.190</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	39.674.719.784	9.959.636.929
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	3.048.000.000	195.000.000
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	-	506.716.000
<i>Trừ: Thu nhập được miễn thuế</i>	-	(9.450.606.992)
Thu nhập tính thuế	42.722.719.784	1.210.745.937
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 5%	42.682.354.398	-
Thu nhập tính thuế theo thuế suất phổ thông 22%	40.365.386	1.210.745.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.142.998.105	266.364.106
Điều chỉnh thuế TNDN các kỳ trước	-	(8.975.012)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.142.998.105	257.389.094

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	37.531.721.679	9.702.247.835
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.325.083.656)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.531.721.679	8.377.164.179
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	938	209

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.674.363.636	1.955.269.718

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có phát sinh hợp đồng thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.544.121.212	3.336.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.010.909.091	-
	<u>3.555.030.303</u>	<u>3.336.000.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tiền thuê xe cần cầu, thuê bán xích và xe nâng của Công ty TNHH Lexim.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.049.696.521	14.065.477.429
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.988.259.863	92.611.331.119
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	610.000.000
Tổng cộng	<u>214.037.956.384</u>	<u>107.286.808.548</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	79.731.302.678	67.051.826.469
Chi phí phải trả ngắn hạn	27.939.381.356	14.920.635.297
Tổng cộng	<u>107.670.684.034</u>	<u>81.972.461.766</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 140.104.078 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 136.461.489 đồng).

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ không ảnh hưởng trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu và hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢI DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

30/6/2015

Dưới 1 năm
VND

Tiền và các khoản tương đương tiền	105.049.696.521
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.988.259.863
Tổng cộng	214.037.956.384

Phải trả người bán và phải trả khác	79.731.302.678
Chi phí phải trả ngắn hạn	27.939.381.356
Tổng cộng	107.670.684.034

Chênh lệch thanh khoản thuần	106.367.272.350
-------------------------------------	------------------------

31/12/2014

Dưới 1 năm
VND

Tiền và các khoản tương đương tiền	14.065.477.429
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.611.331.119
Đầu tư tài chính ngắn hạn	610.000.000
Tổng cộng	107.286.808.548

Phải trả người bán và phải trả khác	67.051.826.469
Chi phí phải trả ngắn hạn	14.920.635.297
Tổng cộng	81.972.461.766

Chênh lệch thanh khoản thuần	25.314.346.782
-------------------------------------	-----------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
 Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
 Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú
 Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam tại Hà Nội
 Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC
 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty trong cùng Tổng Công ty
 Công ty trong cùng Tổng Công ty
 Công ty trong cùng Tổng Công ty
 Công ty trong cùng Tổng Công ty
 Công ty trong cùng Tổng Công ty
 Công ty trong cùng Tổng Công ty
 Công ty trong cùng Tổng Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Mua hàng, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	121.740.000	6.899.841.501
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	20.755.350	12.343.800
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	438.906.078	438.906.078
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	-	815.764.665
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	48.431.818	49.181.819
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam tại Hà Nội	343.636.364	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	1.573.759.323	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	2.049.103.792	-
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	6.489.241.579	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nghi Sơn	337.707.003	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	114.500.000	-
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	52.800.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tiền lương và thu nhập khác	1.967.252.067	644.280.456

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	5.168.625	256.115.640
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam (EIC)	-	66.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	8.466.783.548	3.955.099.502
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	-	5.016.535.656
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	48.231.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	13.556.612.089	13.347.592.014
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Ninh Bình	227.003.600	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	1.304.407.951	-
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	5.053.559.238	3.999.000.170
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	8.560.997.737	11.516.603.727

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Phải trả		
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	482.796.685	965.593.370
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam tại Hà Nội	189.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	58.080.000	-
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	15.226.365	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	13.811.000	-
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	-	500.039.035
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	229.717.913	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	146.600	602.587.950
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí VN - PV EIC	33.275.000	24.400.000
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	-	23.600.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nghi Sơn	120.500.352	63.624.622
	<u>129.267.345</u>	
Trả trước cho người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	129.267.345	
	<u>21.674.215.290</u>	<u>20.906.619.575</u>
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	21.674.215.290	20.906.619.575

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 1.058.956.704 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 8.372.110.104 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải trả.


Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng


Lê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 03 tháng 8 năm 2015